



BẢN TIN SÁNG 30/05/2023

**CPI VIỆT NAM T5.2023 TĂNG 0.01% MOM**

## Điểm tin vĩ mô

### Thế giới:

- Dow Jones tăng 1% lên 33093.34 điểm; Nasdaq Composite tăng 2.18% lên 12975.69 điểm; S&P 500 tăng 1.3% lên 4205.45 điểm.
- Hoa Kỳ: Tổng thống Joe Biden và Chủ tịch Hạ viện Kevin McCarthy ngày 27/05 đã đạt được thỏa thuận dự kiến nhằm nâng trần nợ 31.4 ngàn tỷ USD của chính phủ liên bang, và điều này có thể giúp ngăn chặn tình trạng vỡ nợ cũng như bất ổn về kinh tế.
- Hoa Kỳ: Phố Wall dần dần nghiêng về kịch bản Cục Dự trữ Liên bang nâng lãi suất trong tháng 6/2023. Không chỉ vậy, họ còn tin Fed nhiều khả năng không giảm lãi suất trong năm nay.
- Trung Quốc: đang xem xét các ưu đãi thuế mới đối với các công ty sản xuất cao cấp, theo một nguồn tin thân cận, trong bối cảnh Bắc Kinh tìm cách thúc đẩy nền kinh tế và khuyến khích đổi mới hơn nữa trong công nghệ để chống lại sự cạnh tranh của Hoa Kỳ.

### Trong nước:

- VN-Index tăng 1.05% lên 1074.98 điểm; HNX-Index tăng 1.22% lên 220.31 điểm; VN30-Index tăng 0.84% lên 1069.77 điểm.
- Tình hình kinh tế xã hội Việt Nam:
- IIP T5.2023 ước tính tăng 2.2% so với tháng 4 nhưng tính chung 5 tháng đầu năm 2023, IIP ước tính giảm 2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 tăng 8.1%).
  - CPI T5.2023 tăng 0.01% so với tháng trước, nên CPI bình quân tiếp tục được kéo xuống, chỉ còn tăng 3.55% so với cùng kỳ năm trước.
  - Tổng kim ngạch XNK hàng hóa T5.2023 ước đạt 55,86 tỷ USD, tăng 5.3%MoM và giảm 12,3% svck năm trước. Tính chung 5T.2023, tổng kim ngạch XNK ước đạt 262.54 tỷ USD, giảm 14.7% svck năm trước.
  - Bộ Tài chính: Quỹ Vaccine Covid-19 thu được 10.791 tỷ đồng từ tổng số 693.476 lượt ủng hộ. Trong đó, Quỹ đã chi mua vaccine 7.672 tỷ đồng, hiện nay còn dư 3.118,9 tỷ đồng.
  - NHNN: nêu 4 định hướng điều hành chính sách tiền tệ, trong bối cảnh mặt bằng lãi suất dần ổn định, lãi suất phát sinh mới có xu hướng giảm dần.
  - Theo IMF: tính đến tháng 6/2022, có 18.32% doanh nghiệp Việt Nam có hệ số khả năng thanh toán lãi vay (ICR) dưới 1, mức báo hiệu nguy cơ vỡ nợ.

## Điểm tin doanh nghiệp

- HTL: Thông báo chốt quyền trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 08/06/2023. Với tỷ lệ thực hiện 10%.
- PGV: sẽ dời ngày tổ chức đại hội từ 31/05 sang 15/06 tại TP. HCM. Ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội vẫn là 25/04 (giữ nguyên theo Nghị quyết số 33 của HĐQT PGV).
- PET: Tháng 4, PET đem về doanh thu 1,585 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ. Mảng hoạt động phân phối tiếp tục giữ vai trò chủ đạo với 1,397 tỷ đồng, tăng gần 6%.
- MHC: đề ra kế hoạch tổng doanh thu 200 tỷ đồng, tăng 3% so với thực hiện năm 2022. Lãi trước thuế kỳ vọng 40 tỷ đồng, năm trước lỗ hơn 31 tỷ đồng.
- PVS: đã đặt kế hoạch doanh thu 13.2 ngàn tỷ đồng, giảm 19.4% so với thực hiện 2022. Chỉ tiêu lợi nhuận đặt ra cũng giảm mạnh tới 42%, còn 560 tỷ đồng.
- SGT: UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định về việc cho CTCP Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn thuê đất để sử dụng vào mục đích thực hiện dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp (CCN) Tân Phú 1, phường Tân Phú, thành phố Phổ Yên (đợt 1).

## Điểm nhấn thị trường

- |                                         |         |
|-----------------------------------------|---------|
| <a href="#">1. TTCK Thế giới</a>        | Trang 2 |
| <a href="#">2. TTCK Việt Nam</a>        | Trang 3 |
| <a href="#">3. Giao dịch khối ngoại</a> | Trang 4 |
| <a href="#">4. Thị trường hàng hóa</a>  | Trang 5 |

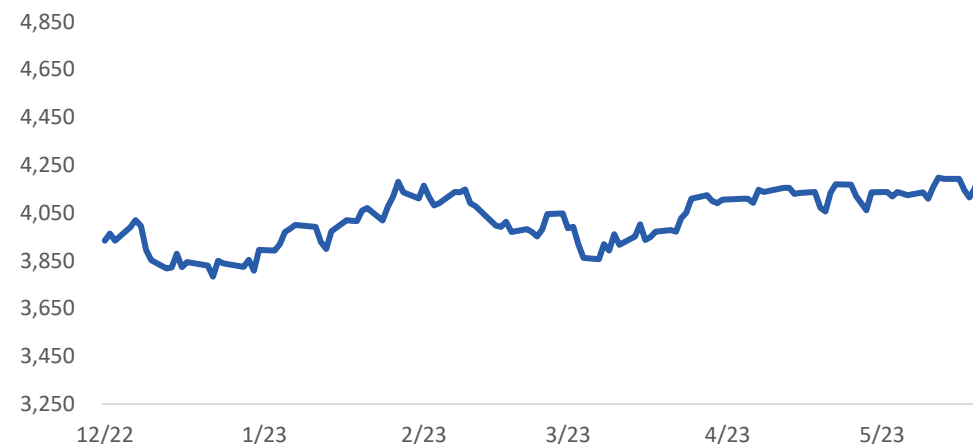
# TTCK Thế giới: Chứng khoán Mỹ đóng cửa

|                      | 30/5     | % Sáng<br>30/5 | 29/5     | % Ngày | % Tuần | % Tháng |
|----------------------|----------|----------------|----------|--------|--------|---------|
| VN INDEX             |          |                | 1,074.98 | 1.05%  | 0.41%  | 3.23%   |
| HNX INDEX            |          |                | 220.31   | 1.23%  | 2.04%  | 6.55%   |
| VN30 INDEX           |          |                | 1,069.77 | 0.84%  | -0.37% | 2.26%   |
| Shanghai Composite   |          |                | 3,221.45 | 0.28%  | -2.28% | -1.65%  |
| Nikkei 225 NKY       |          |                | 31,134.9 | -0.32% | 0.57%  | 8.79%   |
| Korea Kospi          |          |                | 2,583.85 | 0.98%  | 1.05%  | 3.81%   |
| Straits Times STI    |          |                | 3,195.22 | -0.38% | -0.49% | -3.00%  |
| Thailand SET         |          |                | 1,540.97 | 0.66%  | 0.77%  | -1.08%  |
| Malaysia FBMKLCI     |          |                | 1,404.93 | 0.14%  | -0.99% | -1.42%  |
| Philippines PCOMP    |          |                | 6,593.16 | 0.96%  | -0.42% | 0.81%   |
| Indonesia JCI        |          |                | 6,681.10 | -0.09% | -0.72% | -2.06%  |
| S&P500 SPX           |          |                | 4,205.45 | 1.30%  | 0.32%  | 3.68%   |
| S&P500 Futures       | 3,711.75 | 0.98%          | 4,213.25 | 1.29%  | 0.44%  | 1.68%   |
| Dow Jones Industrial |          |                | 33,093.3 | 1.00%  | -1.00% | -0.63%  |
| Nasdaq Composite     |          |                | 12,975.7 | 2.19%  | 2.51%  | 9.46%   |
| Euro Stoxx 50        |          |                | 4,320.01 | -0.40% | -1.50% | -0.87%  |
| FTSE 100 UKX         |          |                | 7,627.20 | 0.74%  | -1.67% | -3.60%  |
| Russian MOEX         |          |                | 2,732.00 | 1.86%  | 3.75%  | 4.00%   |

Nguồn: Bloomberg, BSC

| Shanghai Composite |           | S&P 500   |           |
|--------------------|-----------|-----------|-----------|
| Xu hướng           | Giảm điểm | Xu hướng  | Hồi phục  |
| Kháng cự           | 3330      | Kháng cự  | 4150-4200 |
| Hỗ trợ             | 3220      | Hỗ trợ    | 3920-3930 |
| Điểm PTKT          | TRUNG LẬP | Điểm PTKT | TRUNG LẬP |

Diễn biến S&P 500



Diễn biến Shanghai Composite



Nguồn: Bloomberg, BSC



# TTCK Việt Nam: Sắc xanh lan tỏa

| Ngành                   | % Ngày | % Tuần | % Tháng |
|-------------------------|--------|--------|---------|
| Bán lẻ                  | 1.26%  | 0.42%  | -0.74%  |
| Bảo hiểm                | 0.56%  | 0.23%  | -0.21%  |
| Bất động sản            | 1.12%  | 1.64%  | 4.69%   |
| Công nghệ Thông tin     | 0.36%  | 1.20%  | 7.03%   |
| Dầu khí                 | 0.03%  | 1.16%  | 6.25%   |
| Dịch vụ tài chính       | 3.50%  | 3.65%  | 10.47%  |
| Điện, nước & xăng dầu   | 0.06%  | -0.13% | 3.91%   |
| Du lịch và Giải trí     | 1.81%  | 1.37%  | 3.99%   |
| Dịch vụ Công nghiệp     | 0.84%  | 1.56%  | 3.08%   |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 0.15%  | -0.02% | -2.64%  |
| Hóa chất                | 3.25%  | 5.77%  | 8.76%   |
| Ngân hàng               | 1.17%  | -0.39% | 1.62%   |
| Ô tô và phụ tùng        | 0.04%  | 0.56%  | 2.17%   |
| Tài nguyên Cơ bản       | 1.66%  | -0.92% | 1.15%   |
| Thực phẩm và đồ uống    | 0.15%  | -1.13% | -3.58%  |
| Truyền thông            | 0.41%  | 0.03%  | 0.09%   |
| Viễn thông              | 0.00%  | -4.28% | -5.38%  |
| Xây dựng và Vật liệu    | 1.76%  | 3.00%  | 8.96%   |
| Y tế                    | -0.20% | 0.54%  | 4.41%   |

Nguồn: Fiinpro, BSC



Nguồn: Tradingview, BSC

| VN INDEX  |           |
|-----------|-----------|
| Xu hướng  | Giảm điểm |
| Kháng cự  | 1090-1100 |
| Hỗ trợ    | 1020-1030 |
| Điểm PTKT | TRUNG LẬP |

| Cập nhật thị trường                                                                                                                                             |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| VN-Index tăng hơn 11 điểm so với phiên trước đó. Trong những phiên tới, thị trường có thể tiếp tục quán tính tăng điểm và hướng lên test ngưỡng kháng cự 1,085. |

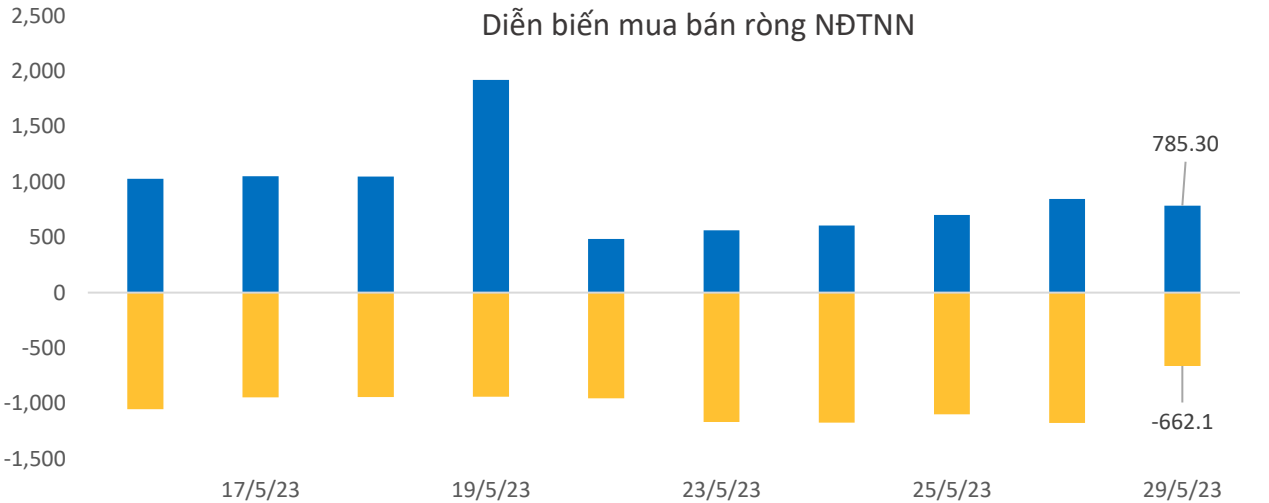
Khối ngoại: ETF tiếp tục suy giảm quy mô

| ETF          | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng<br>chỉ quỹ | %<br>Premium | Dòng vốn ròng (triệu USD) |       |        |        | Nhận định                                                                                                                                                                                         |
|--------------|------------------|-----------------|--------------------|--------------|---------------------------|-------|--------|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|              |                  |                 |                    |              | 1D                        | 1W    | 1M     | 3M     |                                                                                                                                                                                                   |
| E1VFN30      | 337.4            | 0.8             | (1.0)              | 0.4%         | -0.8                      | -16.2 | -17.5  | -23.5  | ETF E1, Diamond suy giảm quy mô, các ETF khác có trạng thái cân bằng và giữ nguyên quy mô.<br>Khối ngoại bán ròng ở thị trường Indonesia, Thái Lan, Malaysia và mua ròng ở các thị trường còn lại |
| FUEMAVN30    | 14.6             | 0.5             | 0.0                | 1.1%         | 0.0                       | 0.1   | 0.1    | -0.2   |                                                                                                                                                                                                   |
| FUESSVFL     | 165.1            | 0.7             | 0.0                | 0.8%         | 0.0                       | -1.0  | -2.5   | -7.7   |                                                                                                                                                                                                   |
| FUESSVN30    | 4.1              | 0.6             | (0.0)              | 1.0%         | 0.0                       | 0.1   | 0.2    | 1.1    |                                                                                                                                                                                                   |
| FUEVFN30     | 755.9            | 0.9             | (2.1)              | 0.3%         | -2.0                      | -14.4 | -25.9  | -42.9  |                                                                                                                                                                                                   |
| FUEVN100     | 10.5             | 0.6             | (0.0)              | 1.0%         | 0.0                       | 0.0   | 0.0    | 0.6    |                                                                                                                                                                                                   |
| FTSE Vietnam | 332.5            | 26.5            | -                  | 0.8%         | 0.0                       | 0.8   | 1.6    | 11.4   |                                                                                                                                                                                                   |
| FUBON FTSE   | 824.1            | 0.4             | -                  | -0.5%        | 0.0                       | -     | 1.8    | 70.8   |                                                                                                                                                                                                   |
| iShare       | 669.1            | 25.3            | -                  | -0.9%        | 0.0                       | (3.8) | (45.7) | (27.7) |                                                                                                                                                                                                   |
| KIM          | 140.5            | 13.0            | -                  | 0.7%         | 0.0                       | -     | -      | 3.9    |                                                                                                                                                                                                   |
| PREMIA       | 16.0             | 7.7             | -                  | 0.5%         | 0.0                       | 0.0   | 0.0    | 0.3    |                                                                                                                                                                                                   |
| VNM          | 500.9            | 12.4            | -                  | -0.9%        | 0.0                       | -     | (11.0) | (24.0) |                                                                                                                                                                                                   |

| Khối ngoại (tr. USD) | Ngày     | Lũy kế từ đầu tuần | Lũy kế từ đầu tháng |
|----------------------|----------|--------------------|---------------------|
| Việt Nam             | 5.45     | 5.45               | (80.14)             |
| ASEAN4*              | (50.80)  | (46.30)            | (913.01)            |
| Ấn Độ                | 216.35   | 895.27             | 3,971.44            |
| Đài Loan             | 1,039.74 | 1,039.74           | 4,723.51            |
| Hàn Quốc             | 90.31    | 90.31              | 2,329.75            |
| Nhật Bản             |          | 6,287.14           | 15,012.20           |
| Trung Quốc           |          |                    | (8,437.25)          |

Ghi chú: \* Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia

| Credit Default Swap | MoM %  |
|---------------------|--------|
| Việt Nam            | -16.09 |
| Trung Quốc          | -8.34  |
| Singapore           | -16.09 |
| Phillippines        | -10.18 |
| Malaysia            | -10.33 |



Nguồn: Fiinpro, BSC

## Thị trường hàng hóa: Dầu tăng 1%

| Mặt hàng  | Đơn vị   | 30/5     | % Sáng | 29/5     | % Ngày | % Tuần  | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|-----------|----------|----------|--------|----------|--------|---------|---------|--------------------|--------------------|
| Dầu WTI   | USD/bbl. | 72.80    | 0.18%  | 72.67    | 1.17%  | 1.04%   | -2.39%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| Dầu Brent | USD/bbl. | 76.93    | -0.18% | 77.07    | 0.16%  | 0.12%   | -4.23%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| Xăng      | USD/gal. | 269.89   | -0.17% | 270.34   | 1.12%  | 1.89%   | 8.27%   | PLX, OIL           | HVN, VJC           |
| Vàng      | USD/oz.  | 1,944.24 | 0.05%  | 1,943.19 | -0.17% | -1.57%  | -2.30%  | PNJ                |                    |
| Bạc       | USD/oz.  | 23.18    | -0.01% | 23.18    | -0.50% | -1.13%  | -7.47%  | PNJ                |                    |
| Đậu tương | USD/cwt. | 1,330.00 | -0.54% | 1,337.25 | 1.00%  | -0.84%  | -5.25%  | HKB                | DBC, QNS           |
| Lúa mỳ    | USd/bu.  | 611.25   | -0.77% | 616.00   | 1.94%  | 0.82%   | -2.86%  |                    | AFX                |
| Sữa       | USd/bu.  | 15.77    | -0.69% | 15.88    | -1.43% | -3.37%  | -9.63%  | VNM, GTN, QNS      | KDC                |
| Cao su    | JPY/kg.  | 209.00   | -0.05% | 209.10   | 0.67%  | 0.05%   | -1.42%  | DPR, PHR, HAG, HNG | SRC, CSM, DRC      |
| Đường     | USd/lb.  | 25.37    | 2.17%  | 24.83    | -2.59% | -1.59%  | -1.59%  | SBT, LSS, SLS, QNS | VNM, GTN, QNS      |
| Cà phê    | USd/lb.  | 181.60   | -0.60% | 182.70   | -2.82% | -5.42%  | -5.22%  | CTP, DLG           | VCF, CTP           |
| Đồng      | USD/MT   |          |        | 8,135.00 | 2.17%  | -1.41%  | -6.82%  | MSN, ACM, BGM      | CAV, SAM, TGP, VTH |
| Thép      | CNY/MT   | 3,507.00 | 0.52%  | 3,489.00 | 1.22%  | -2.37%  | -5.70%  | HSG, HPG, NKG      | PC1, CTD, HBC      |
| Nhôm      | USD/MT   |          |        | 2,237.50 | 0.29%  | -2.01%  | -6.03%  |                    | CAV, SAM, TGP, VTH |
| Quặng sắt | CNY/MT   | 717.00   | 1.06%  | 709.50   | 3.50%  | 0.21%   | -0.28%  |                    | HPG                |
| Than      | USD/MT   |          |        | 140.65   | 0.00%  | -13.92% | -25.38% | HLC, NBC, TNT, THT | HT1, BCC, PPC, POW |

Ghi chú: USD = US Cent

### Cập nhật thị trường

Giá dầu tăng vào ngày thứ Hai (29/5), sau khi các nhà lãnh đạo Mỹ đạt được thỏa thuận trần nợ và giúp ngăn chặn tình trạng vỡ nợ ở nền kinh tế và quốc gia tiêu thụ dầu mỏ lớn nhất thế giới.

Dầu BRENT (USD/thùng)



Vàng (USD/oz.)



Nguồn: Bloomberg, BSC

# Khuyến cáo sử dụng

*Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của CTCP Chứng khoán BIDV.*

## **BSC Trụ sở chính**

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thaiholdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

## **BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 8 3821 8885  
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>  
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



## **Đối với Phân tích Nghiên cứu**

Phòng Phân tích Nghiên cứu  
[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)  
(+84) 39352722 - Ext 108

## **Đối với Khách hàng tổ chức**

Phòng TVĐT và môi giới KHTC  
[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)  
(+84)2439264659

## **Đối với Khách hàng cá nhân**

Trung tâm tư vấn i-Center  
[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)  
(+84)2437173639

## Mạng lưới Nhà đầu tư BSC

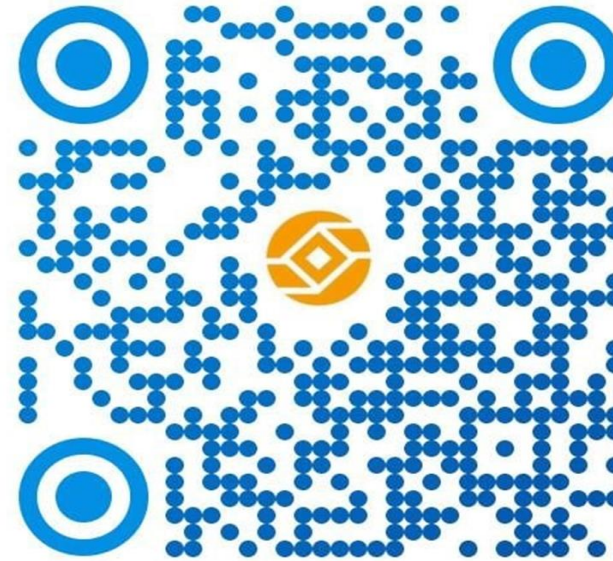
\* Quý nhà đầu tư vui lòng đặt câu hỏi tại phần bình luận để được tư vấn trực tiếp.

\* Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)



### DANH MỤC BÁO CÁO BSC

Quý khách vui lòng quét mã QR bằng app Zalo để tham khảo các



### CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

Quý khách vui lòng quét mã QR bằng app Zalo để tham gia